

Phụ lục I
DANH SÁCH CÔNG DÂN MIỄN GỌI NHẬP NGŨ NĂM 2026
(Kèm theo Quyết định số 1581/QĐ- UBND ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên khai sinh - Họ, chữ đệm và tên thường dùng - Ngày, tháng, năm sinh - Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc - Tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
1	Đình Dừ	Nông	Thôn Đèo Rơn	Nông	10/12	Đình Hà, 1975, Nông	Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Doan, 1977, Nông	
	10/19/2002		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051202011540			Không			
2	Đình Văn Uyên	Nông	Thôn Đèo Rơn	Nông	10/12	Đình Văn Miêm, 1979, Nông	Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Suốc, 1974, Nông	
	6/11/2004		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051204011314			Không			
3	Đình Hoàng Huy	Nông	Thôn Đèo Rơn	Nông	10/12	Đình Tria, 1982, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Xum, 1981, Nông	
	2/13/2003		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	05120312721			Không			
4	Đình Văn Ngựa	Nông	Thôn Trường Ka	Nông	0/12	Đình Sanh, 1975, Nông	Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Niên, 1980, Nông	
	6/5/2006		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051206			Không			
5	Đình Công Thắng	Nông	Thôn Trường Ka	Nông	0/12	Đình Chí, 1984, Nông	Câm điếc
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Phi, 1985, Nông	bẩm sinh
	4/25/2007		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051207019468			Không			
6	Đình Lâm Vũ	Nông	Thôn Đèo Gió	Nông	10/12	Đình Văn Éo, 1978, Nông	Khuyết tật
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Me, 1981, Nông	chân bẩm sinh
	5/19/2004		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051204006925			Không			
7	Đình Hồng Thái	Nông	Thôn Đèo Gió	Nông	11/12	Đình Hồng Phụng, 1988, Nông	Bệnh DOW
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Thu Truyết, 1985, Nông	
	11/17/2006		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051206004460			Không			

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên khai sinh - Họ, chữ đệm và tên thường dùng - Ngày, tháng, năm sinh - Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc - Tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
8	Đinh Bì Na	Nông	Thôn Đèo Gió	Nông	12/12	Đinh Tùm, 1980, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Sai, 1980, Nông	
	5/13/2007		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051207019722			Không			
9	Đinh Hải	Nông	Thôn Đèo Gió	Nông	9/12	Đinh Mốp, 1978, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Hea, 1980, Nông	
	6/15/2007		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051207017192			Không			
10	Đinh Văn Lâm	Nông	Thôn Gò Ra	Nông	9/12	Đinh Văn Búa, 1954, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Gấp, 1976, Nông	
	7/2/2002		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051202001611			Không			
11	Đinh Ngọc	Nông	Thôn Đồng Reng	Nông	10/12	Đinh Hành, 1980, Nông	Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Huê, 1985, Nông	
	6/26/2002		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051202000623			Không			
12	Đinh Tấn Duy	Nông	Thôn Hà Bắc	Nông	0/12	Đinh Dung, 1978, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Linh, 1975, Nông	
	4/20/2001		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051201			Không			
13	Đinh Văn Vương	Nông	Thôn Hà Bắc	Nông	0/12	Đinh Thân, 1977, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Treo, 1982, Nông	
	11/6/2004		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051204			Không			
14	Đinh Trung Nguyên	Nông	Thôn Hà Bắc	Nông	0/12	Đinh Miêu, 1980, Nông	Tàn tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Xí, 1982, Nông	
	10/22/2002		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051202			Không			
15	Đinh Văn Thung	Nông	Thôn Gò Ra	Nông	11/12	Đinh Văn Qua, 1982, Nông	Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Sâm, 1984, Nông	
	1/8/2004		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051204002635			Không			

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên khai sinh - Họ, chữ đệm và tên thường dùng - Ngày, tháng, năm sinh - Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc - Tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
16	Đinh Văn Minh	Nông	Thôn Gò Rinh	Nông	0/12	Đinh Văn Chôn, 1980, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Sỏi, 1982, Nông	
	9/3/2002		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051202			Không			
17	Đinh Văn Sĩ	Nông	Thôn Gò Rinh	Nông	9/12	Đinh Văn Chôn, 1986, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Sỏi, 1988, Nông	
	4/7/2004		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051204009317			Không			
18	Đinh Quốc Bảo	Nông	Thôn Gò Rinh	Nông	9/12	Đinh Văn Cường, 1980, Nông	Động kinh
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Đen, 1984, Nông	
	11/1/2005		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051205007677			Không			
19	Đinh Văn Thi	Nông	Thôn Gò Chu	Nông	12/12		Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Nhờ ,1968,Nông	
	8/8/2003		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051203013243			Không			
20	Đinh A Đăm	Nông	Thôn Gò Chu	Nông	12/12	Trịnh Văn Ty,1973, Nông	Động kinh
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Lãng, 1979,Nông	
	6/17/2005		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051205003842			Không			
21	Đinh Văn Cao Mĩ Thuận	Nông	Thôn Gò Gạo	Nông	10/12	Đinh Văn Chất , 1978, Nông	Mù mắt trái
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Bé, 1983, Nông	
	2/17/2002		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051202000962			Không			
22	Đinh Văn Hà	Nông	Thôn Gò Gạo	Nông	9/12	Đinh Văn Rói, 1982, Nông	Tâm thần
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc			
	6/4/2006		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051206009377			Không			
23	Đinh Vinh	Nông	Thôn Gò Gạo	Nông	11/12	Đinh Văn Sâu, 1984, Nông	Câm điếc
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đinh Thị Thỏ, 1987, Nông	bẩm sinh
	2/17/2006		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051206013573			Không			

Số TT	- Họ, chữ đệm và tên khai sinh - Họ, chữ đệm và tên thường dùng - Ngày, tháng, năm sinh - Số thẻ căn cước/CCCD	- Nghề nghiệp - Nơi làm việc - Nhóm, ngạch, bậc lương	- Nơi thường trú của gia đình; bản thân - Nơi ở hiện nay của bản thân - Nơi làm việc (nếu có)	- Thành phần gia đình - Thành phần bản thân - Dân tộc - Tôn giáo	- Trình độ văn hóa, CMKT - Ngoại ngữ - Đảng, đoàn	- Họ và tên cha, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên mẹ, năm sinh, nghề nghiệp - Họ và tên vợ (chồng), năm sinh, nghề nghiệp	Lý do miễn gọi nhập ngũ
24	Đình Tùng Nghĩa	Nông	Thôn Bàu Sơn	Nông	5/12	Đình Văn Ôn, 1978, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Hồng, 1983, Nông	
	5/11/2007		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051207014690			Không			
25	Đình Thim	Nông	Thôn Cạn Sơn	Nông	5/12	Đình Khâm, 1982, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Su, 1982, Nông	
	3/17/2007		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051207013711			Không			
26	Đình Văn Ngọc	Nông	Thôn Cạn Sơn	Nông	5/12	Đình Văn Phú, 1980, Nông	Khuyết tật nặng
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Tiên, 1981, Nông	
	11/17/2003		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051203009991			Không			
27	Đình Văn Kinh	Nông	Thôn Chàm Rao	Nông	5/12	Đình Văn Sát, 1964, Nông	Mù mắt trái
			Xã Sơn Hạ	Phụ thuộc		Đình Thị Khuya, 1965, Nông	
	7/16/2006		tỉnh Quảng Ngãi	Hrê			
	051206005511			Không			
TỔNG CỘNG: 27 CÔNG DÂN							